|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG THPT TRẦN NGUYÊN HÃN** -------------------- *(Đề thi có 08 trang)* | **ĐỀ THI CHỌN HSG LỚP 10, 11 CẤP TRƯỜNG**  **NĂM HỌC 2023 - 2024 MÔN: ĐỊA LÍ – LỚP 11** *Thời gian làm bài: 90 phút (không kể thời gian phát đề)*    **Mã đề thi: 601** |

**Câu 1.** Nông nghiệp hiện nay đang phải đối mặt với vấn đề chủ yếu nào sau đây?

**A.** Diện tích đất trồng có nguy cơ bị thu hẹp, tác động của biến đổi khí hậu.

**B.** Tác động của biến đổi khí hậu, việc sử dụng nhiều phân bón vô cơ.

**C.** Sử dụng thuốc bảo vệ thực vật gây thoái hoá đất, ô nhiễm môi trường.

**D.** Dân số quá đông nên nhu cầu các sản phẩm nông nghiệp tăng nhanh.

**Câu 2.** Ở Liên minh châu Âu (EU), một luật sư người I-ta-li-a có thể làm việc ở Béc - lin như một luật sư Đức là biểu hiện của

**A.** tự do lưu thông tiền vốn. **B.** tự do lưu thông dịch vụ.

**C.** tự do di chuyển. **D.** tự di lưu thông hàng hóa.

**Câu 3.** Phương pháp chấm điểm thường được dùng để thể hiện các đối tượng địa lí

**A.** có vị trí cố định. **B.** phân bố ở phạm vi rộng.

**C.** có sự chuyển động. **D.** phân bố phân tán, lẻ tẻ.

**Câu 4.** Tác động tiêu cực chủ yếu của công nghiệp đối với môi trường là

**A.** cạn kiệt tài nguyên, ô nhiễm môi trường, biến đổi cảnh quan tự nhiên.

**B.** biến đổi cảnh quan tự nhiên, ô nhiễm nặng môi trường không khí.

**C.** khí thải từ các cơ sở công nghiệp gây ô nhiễm môi trường không khí.

**D.** nước thải công nghiệp chưa xử lí chứa hóa chất gây ô nhiễm nguồn nước.

**Câu 5.** Các kiểu khí hậu nào chiếm ưu thế ở miền Đông Trung Quốc?

**A.** Cận nhiệt đới gió mùa và ôn đới lục địa.

**B.** Ôn đới lục địa và ôn đới gió mùa.

**C.** Nhiệt đới gió mùa và ôn đới gió mùa.

**D.** Cận nhiệt đới gió mùa và ôn đới gió mùa.

**Câu 6.** Các tổ chức liên kết kinh tế khu vực được hình thành dựa trên cơ sở

**A.** có mục tiêu chung lợi ích phát triển kinh tế và an ninh khu vực.

**B.** có nét tương đồng về dân cư, tôn giáo và thể chế chính trị.

**C.** có nét tương đồng về văn hóa, xã hội và trình độ phát triển kinh tế - xã hội.

**D.** có nét tương đồng về địa lý, văn hóa, xã hội và chung mục tiêu lợi ích.

**Câu 7.** Ý nghĩa chủ yếu của việc phân chia các vùng nông nghiệp là?

**A.** Loại bỏ được tinh bấp bênh, không ổn định trong sản xuất nông nghiệp.

**B.** Phân bố cây trồng, vật nuôi phù hợp với các điều kiện sinh thái nông nghiệp.

**C.** Đảm bảo lương thực, thực phẩm cho mỗi gia đình.

**D.** Tự cung, tự cấp các sản phẩm nông nghiệp trong vùng.

**Câu 8.** Xu hướng toàn cầu hoá đã tạo cơ hội cho Việt Nam

**A.** chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hoá.

**B.** mở rộng thị trường trên cơ sở các hiệp định song phương và đa phương.

**C.** xây dựng nền kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

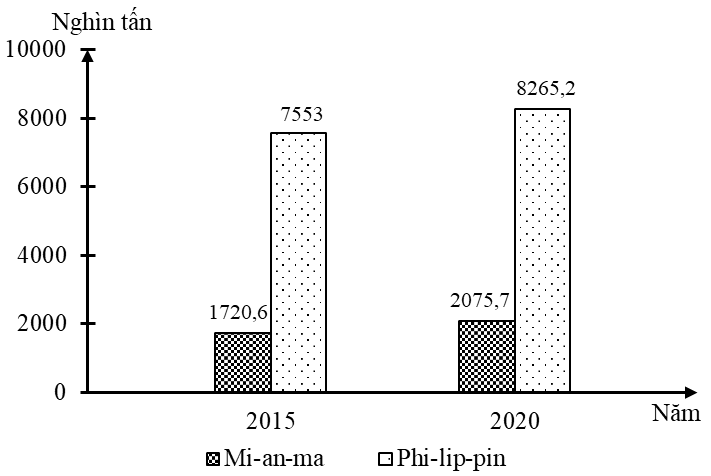
**D.** xây dựng nền văn hoá tiên tiến, giàu bản sắc dân tộc.

**Câu 9.** Lợi ích lớn nhất do người nhập cư mang đến cho Hoa Kì là

**A.** nguồn lao động có trình độ cao. **B.** nguồn vốn đầu tư lớn.

**C.** nền văn hóa đa dạng. **D.** đa dạng về chủng tộc.

**Câu 10.** Cho biểu đồ:



SẢN LƯỢNG NGÔ CỦA MI-AN-MA VÀ PHI-LIP-PIN NĂM 2015 VÀ 2020

*(Nguồn số liệu theo Niên giám thống kê ASEAN 2021, https://www.aseanstats.org)*

Theo biểu đồ, nhận xét nào sau đây đúng về sản lượng ngô của Mi-an-ma và Phi-lip-pin?

**A.** Mi-an-ma tăng chậm hơn Phi-lip-pin.  **B.** Phi-lip-pin tăng, Mi-an-ma giảm.

**C.** Mi-an-ma tăng, Phi-lip-pin giảm.  **D.** Phi-lip-pin tăng nhiều hơn Mi-an-ma.

**Câu 11.** Trung Quốc hình thành các đặc khu kinh tế và các khu chế xuất nhằm mục đích chủ yếu nào sau đây?

**A.** Phát huy các thế mạnh về tự nhiên và đa dạng hóa các sản phẩm.

**B.** Thu hút vốn đầu tư nước ngoài và chuyển giao công nghệ hiện đại.

**C.** Phân bố lại nguồn lao động, tạo ra hàng hóa đa dạng để xuất khẩu.

**D.** Thu hút nguồn lao động chất lượng, hình thành dải đô thị ven biển.

**Câu 12.** Giao thông vận tải đường hàng không có nhiều ưu điểm về

**A.** vận tải hàng nặng trên đường dài, giá rẻ, khá an toàn.

**B.** tốc độ cao, có nhiều ưu việt trong vận tải hành khách.

**C.** tiện lợi, cơ động, phù hợp được với các kiểu địa hình.

**D.** vận chuyển hàng nặng, tốc độ nhanh, chi phí thấp.

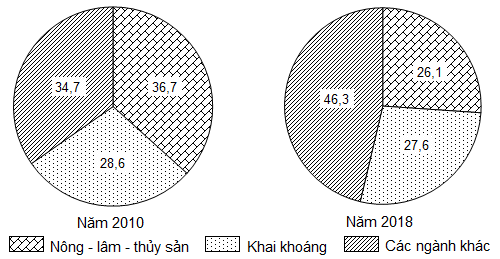
**Câu 13.** Hiện nay yếu tố nào giữ vai trò quan trọng nhất trong việc quyết định tỉ suất tử trên toàn thế giới?

**A.** Cơ cấu dân số theo tuổi. **B.** Sự phát triển của y tế.

**C.** Thu nhập và mức sống. **D.** Trình độ phát triển kinh tế.

**Câu 14.** Cho biểu đồ:

LAO ĐỘNG CỦA TRUNG QUỐC NĂM 2010 VÀ NĂM 2018 (%)



*(Nguồn số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2019, NXB Thống kê, 2020)*

Biểu đồ thể hiện nội dung nào sau đây?

**A.** Quy mô và cơ cấu lao động Trung Quốc phân theo ngành kinh tế.

**B.** Cơ cấu lao động Trung Quốc phân theo thành phần kinh tế.

**C.** Quy mô lao động Trung Quốc theo ngành kinh tế.

**D.** Cơ cấu lao động Trung Quốc phân theo ngành kinh tế.

**Câu 15.** Hoa Kì khuyến khích người nước ngoài đến du học **không** phải vì:

**A.** du học sinh là một hình thức tuyển lao động sang làm việc với giá rẻ.

**B.** giáo dục là một hoạt động kinh tế mang lại nguồn thu quan trọng.

**C.** tuyên truyền giá trị Hoa Kì ra bên ngoài và tăng tình cảm với các nước.

**D.** là cơ hội lựa chọn những người ưu tú mà không mất công nuôi nấng.

**Câu 16.** Một trong những nguyên nhân về mặt xã hội đã làm giảm sút khả năng cạnh tranh của Liên bang Nga trên thế giới là

**A.** tình trạng chảy máu chất xám. **B.** thành phần dân tộc đa dạng.

**C.** dân cư phân bố không đều. **D.** tỉ suất gia tăng dân số thấp.

**Câu 17.** Phát biểu nào sau đâyđúng với gió biển, gió đất?

**A.** Có sự giống nhau về nguồn gốc. **B.** Hướng thay đổi theo mùa.

**C.** Có sự khác nhau rõ rệt về độ ẩm. **D.** Đều được hình thành ở ngoài biển.

**Câu 18.** Cho bảng số liệu:

DIỆN TÍCH VÀ SỐ DÂN MỘT SỐ NƯỚC ĐÔNG NAM Á, NĂM 2019

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Quốc gia** | **Diện tích** *(nghìn km2)* | **Số dân** *(triệu người)* |
| Campuchia | 181,0 | 16,5 |
| Lào | 236,8 | 7,1 |
| Thái Lan | 513,1 | 66,4 |
| Việt Nam | 331,2 | 96,5 |

*s (Nguồn: Niên giám thống kê nước ngoài 2019, NXB Thống kê 2020)*

Theo bảng số liệu, sắp xếp theo thứ tự giảm dần về mật độ dân số của các nước trên, năm 2019 là

**A.** Việt Nam, Thái Lan, Campuchia, Lào. **B.** Lào, Campuchia, Việt Nam, Thái Lan.

**C.** Lào, Campuchia, Thái Lan, Việt Nam. **D.** Campuchia, Lào, Thái Lan, Việt Nam.

**Câu 19.** Xu hướng toàn cầu hoá đã tạo cơ hội cho Việt Nam

**A.** mở rộng thị trường trên cơ sở các hiệp định song phương và đa phương.

**B.** chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hoá.

**C.** xây dựng nền văn hoá tiên tiến, giàu bản sắc dân tộc.

**D.** xây dựng nền kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

**Câu 20.** Nhân tố chủ yếu nào thúc đẩy toàn cầu hóa kinh tế diễn ra mạnh mẽ?

**A.** Sự ra đời và vai trò ngày càng lớn của các công ty xuyên quốc gia.

**B.** Dỡ bỏ các rào cản trong thương mại, đầu tư, dịch vụ, công nghệ.

**C.** Nhu cầu giao lưu quốc tế, trao đổi hàng hóa ngày càng tăng nhanh.

**D.** Sự tương phản về trình độ phát triển kinh tế giữa các nhóm nước.

**Câu 21.** Hậu quả của việc già hóa dân số đối với phát triển kinh tế là

**A.** nạn chảy máu chất xám, phân hoá giàu nghèo tăng.

**B.** tỉ lệ thiếu việc làm và thất nghiệp tăng, mất cân bằng giới tính.

**C.** thiếu nguồn lao động trong tương lai, chi phí phúc lợi xã hội tăng.

**D.** chi phí lớn cho phúc lợi xã hội, chăm sóc và giáo dục trẻ em.

**Câu 22.** Lúc điểm A ở kinh tuyến 150°Đ đang là 6 giờ sáng ngày 01/3/2023 thì địa điểm B ở kinh tuyến 30°T đang là mấy giờ, ngày nào?

**A.** 18 giờ ngày 28/2/2023. **B.** 18 giờ ngày 30/2/2023.

**C.** 22 giờ ngày 01/3/2023. **D.** 22 giờ ngày 29/2/2023.

**Câu 23.** Dịch vụ là ngành được các nước Đông nam Á ưu tiên phát triển nhằm mục đích chủ yếu nào sau đây?

**A.** Khai thác tiềm năng du lịch. **B.** Khai thác lợi thế về vị trí địa lí.

**C.** Tạo cơ sở hạ tầng , thu hút đầu tư. **D.** Thúc đẩy các ngành kinh tế khác.

**Câu 24.** Phần lớn giá trị xuất khẩu của Nhật Bản luôn lớn hơn giá trị nhập khẩu là do

**A.** số lượng các mặt hàng xuất khẩu vượt trội so với số lượng các mặt hàng nhập khẩu.

**B.** chủ yếu nhập nguyên liệu giá rẻ, xuất khẩu sản phẩm đã qua chế biến giá thành cao.

**C.** sản phẩm xuất khẩu của Nhật Bản có giá trị rất cao, thị trường xuất khẩu ổn định.

**D.** không phải nhập khẩu các mặt hàng phục vụ cho các hoạt động sản xuất và đời sống.

**Câu 25.** Thị trường chung châu Âu đảm bảo quyền tự do lưu thông cho các nước thành viên về

**A.** hàng hóa, con người, tiền vốn, dịch vụ. **B.** con người, hàng không, y tế, văn hóa.

**C.** tiền vốn, dịch vụ, văn hóa, quân sự.  **D.** dịch vụ, du lịch, con người, giáo dục.

**Câu 26.** Các quốc gia nào sau đây thuộc Tổ chức Hiệp ước tự do thương mại Bắc Mỹ?

**A.** Hoa Kỳ, Mêhicô, Braxin. **B.** Hoa Kỳ, Pê ru, Panama.

**C.** Hoa Kỳ, Braxin, Chilê. **D.** Hoa Kỳ, Canada, Mêhicô.

**Câu 27.** Nguyên nhân chủ yếu củ cải đường phân bố ở phía bắc Nhật Bản do

**A.** khí hậu gió mùa, mưa nhiều. **B.** khí hậu ôn đới, mùa đông lạnh.

**C.** khí hậu có mùa đông mát mẻ. **D.** khí hậu cận nhiệt đới, ẩm lớn.

**Câu 28.** Ở các nước phát triển, nông nghiệp là loại hình sản xuất mang đặc điểm

**A.** sử dụng ít lao động nhưng có tỉ lệ đóng góp vào GDP cao.

**B.** sử dụng nhiều lao động và có tỉ lệ đóng góp vào GDP cao.

**C.** sử dụng ít lao động và có tỉ lệ đóng góp vào GDP nhỏ.

**D.** sử dụng nhiều lao động nhưng có tỉ đóng góp vào GDP nhỏ.

**Câu 29.** Cho bảng số liệu:

GDP PHÂN THEO KHU VỰC KINH TẾ NƯỚC TA NĂM 2000 VÀ 2020

*(Đơn vị: Tỉ đồng)*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **Tổng số** | **Nông- Lâm- Thủy sản** | **Công nghiệp- xây dựng** | **Dịch vụ** |
| 2000 | 441646 | 108356 | 162220 | 171070 |
| 2020 | 5676577 | 994731 | 2122307 | 2619539 |

*(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2020, NXB Thống kê, 2021)*

Theo bảng số liệu, để thể hiện cơ cấu GDP phân theo khu vực kinh tế nước ta năm 2000 và 2020, dạng biểu đồ nào sau đây là thích hợp nhất?

**A.** Tròn. **B.** Kết hợp. **C.** Cột. **D.** Đường.

**Câu 30.** Khu vực Tây Nam Á chiếm tới 50% trữ lượng dầu mỏ thế giới, tuy nhiên vẫn là một khu vực có kinh tế phát triển không ổn định do

**A.** sự xung đột thường xảy ra, sự bất ổn về giá dầu mỏ, dịch bệnh, bối cảnh quốc tế.

**B.** xung đột thường xuyên diễn ra, chênh lệch giàu nghèo lớn, khí hậu khắc nghiệt.

**C.** khí hậu khắc nghiệt, cải cách ruộng đất không triệt để, giá dầu giảm, chạy đua vũ trang.

**D.** nợ nước ngoài nhiều, chính trị bất ổn, không sản xuất được lương thực, thực phẩm.

**Câu 31.** Vấn đề xã hội còn tồn tại ở các nước Mĩ La tinh hiện nay là

**A.** nợ nước ngoài lớn, các thế lực mất quyền lợi cản trở cải cách kinh tế .

**B.** sự phân hóa giàu nghèo rất sâu sắc, chính trị bất ổn định.

**C.** tình trang đô thị hóa tự phát, chênh lệch giàu nghèo lớn.

**D.** xung đột về sắc tôc, tôn giáo, chính trị bất ổn định.

**Câu 32.** Việt Nam là thành viên của các tổ chức liên kết kinh tế khu vực nào?

**A.** EU và ASEAN. **B.** EU và NAFTA.

**C.** APEC và ASEAN. **D.** NAFTA và APEC.

**Câu 33.** Tỉ lệ lao động trong ngành dịch vụ trên thế giới ngày càng tăng do tác động chủ yếu của

**A.** thị trường thế giới ngày càng rộng, chất lượng cuộc sống tốt hơn, dân thành thị tăng.

**B.** sản xuất ngày càng phát triển, năng suất lao động xã hội cao, phân bố dân cư hợp lí.

**C.** nền kinh tế ngày càng phát triển, mức sống dân cư ngày càng cao, đô thị hóa nhanh.

**D.** trình độ phát triển kinh tế ngày càng cao, sử dụng lao động hợp lí, đô thị hóa nhanh.

**Câu 34.** Mặt ngăn cách khối khí ôn đới và chí tuyến được gọi là

**A.** Frông ôn đới. **B.** Frông nội chí tuyến.

**C.** Frông địa cực. **D.** hội tụ nhiệt đới.

**Câu 35.** Công nghiệp của Nhật Bản tập trung chủ yếu ở phía nam đảo Hôn-su, ven Thái Bình Dương vì

**A.** thuận lợi cho việc trao đổi sản phẩm với các nước châu Á đất liền.

**B.** tiện cho việc nhập nguyên liệu và trao đổi sản phẩm với các nước.

**C.** ở đây có khí hậu lạnh, dễ bảo quản sản phẩm.

**D.** tập trung nguồn khoáng sản dồi dào, địa hình bằng phẳng.

**Câu 36.** Nguyên nhân chủ yếu tạo nên sự tương phản về trình độ phát triển kinh tế - xã hội giữa nhóm nước phát triển với đang phát triển là

**A.** quy mô và cơ cấu dân số. **B.** thành phần dân tộc và tôn giáo.

**C.** nguồn tài nguyên thiên nhiên. **D.** trình độ khoa học - kĩ thuật.

**Câu 37.** Điểm giống nhau giữa thiên nhiên miền Đông và miền Tây Hoa Kì là

**A.** địa hình dạng ống máng, giàu than đá, quặng sắt, khí hậu cận nhiệt đới gió mùa.

**B.** hai vùng đều giáp biển, giàu khoáng sản kim loại màu, khí hậu ôn đới lục địa.

**C.** gồm các khối núi đồ sộ, nhiều rừng và đồng cỏ thuận lợi phát triển chăn nuôi.

**D.** địa hình đa dạng, nguồn thuỷ năng phong phú, giàu tài nguyên khoáng sản.

**Câu 38.** Những địa điểm nào sau đây thường có mưa ít?

**A.** Miền có gió mùa, nơi có gió luôn thổi đến.

**B.** Khu vực khí áp cao, địa hình khuất gió.

**C.** Nơi có dải hội tụ nhiệt đới, khu vực áp thấp.

**D.** ở sâu trong lục địa, nơi có frông hoạt động.

**Câu 39.** Tình trạng đói nghèo xảy ra ở khu vực Tây Nam Á do nguyên nhân chủ yếu nào sau đây?

**A.** Chiến tranh, xung đột tôn giáo. **B.** Thiếu hụt nguồn lương thực.

**C.** Khí hậu khô hạn. khắc nghiệt. **D.** Thiên tai xảy tai thường xuyên.

**Câu 40.** Hệ quả quan trọng nhất của khu vực hóa kinh tế là

**A.** tăng cường tự do hóa thương mại.

**B.** đầu tư phát triển dịch vụ và du lịch.

**C.** tăng trưởng và phát triển kinh tế.

**D.** mở cửa thị trường các quốc gia.

**Câu 41.** Đặc điểm nổi bật về cơ cấu ngành kinh tế của các nước phát triển là

**A.** tỉ trọng khu vực II rất cao, khu vực I rất thấp.

**B.** tỉ trọng khu vực III rất cao, khu vực II rất thấp.

**C.** tỉ trọng khu vực III rất cao, khu vực I rất thấp.

**D.** tỉ trọng khu vực I rất cao, khu vực III rất thấp.

**Câu 42.** LB Nga giáp với các đại dương nào sau đây?

**A.** Thái Bình Dương và Ấn Độ Dương. **B.** Bắc Băng Dương và Đại Tây Dương.

**C.** Đại Tây Dương và Thái Bình Dương. **D.** Bắc Băng Dương và Thái Bình Dương.

**Câu 43.** Các quốc gia nào sau đây tham gia thành lập Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á?

**A.** Thái Lan, In-đô-nê-xi-a, Mi-an-ma, Việt Nam, Xin-ga-po.

**B.** Thái Lan, Xin-ga-po, In-đô-nê-xi-a, Ma-lai-xi-a, Việt Nam.

**C.** Thái Lan, In-đô-nê-xi-a, Mi-an-ma, Phi-lip-pin, Xin-ga-po.

**D.** Thái Lan, In-đô-nê-xi-a, Ma-lai-xi-a, Phi-lip-pin, Xin-ga-po.

**Câu 44.** Nguyên nhân nào sau đây là chủ yếu làm cho sản lượng lúa gạo của khu vực Đông Nam Á tăng lên trong những năm gần đây?

**A.** Sử dụng giống mới chất lượng cao.  **B.** Khai hoang, mở rộng diện tích lúa.

**C.** Áp dụng các biện pháp thâm canh.  **D.** Dân số tăng, nhu cầu thị trường lớn.

**Câu 45.** Vườn treo Ba-bi-lon là công trình kiến trúc cổ đại nổi tiếng thế giới hiện nay thuộc quốc gia nào sau đây?

**A.** Ả- rập Xê- út. **B.** Ô- man. **C.** I- ran. **D.** I-rắc.

**Câu 46.** Vấn đề xung đột sắc tộc, tôn giáo và nạn khủng bố ở khu vực Tây Nam Á càng trở nên phức tạp do

**A.** sự tồn tại của các vấn đề dân tộc mang tính lịch sử.

**B.** sự can thiệp vụ lợi của các thế lực bên ngoài.

**C.** vị trí chiến lược nằm ở ngã ba châu lục Á – Phi - Âu.

**D.** sự yếu kém trong quản lí của chính quyền non trẻ.

**Câu 47.** Nhật Bản tập trung vào các ngành công nghiệp đòi hỏi kĩ thuật cao chủ yếu là do

**A.** hạn chế sử dụng nhiều nguyên liệu, lợi nhuận cao.

**B.** có nguồn lao động dồi dào chất lượng cao.

**C.** có nguồn tài nguyên khoáng sản phong phú.

**D.** không có khả năng nhập khẩu các sản phẩm chất lượng cao.

**Câu 48.** Biện pháp hữu hiệu để có thể tiêu diệt tận gốc mối đe doạ từ chủ nghĩa khủng bố quốc tế là

**A.** áp dụng khoa học và công nghệ vào cuộc chiến.

**B.** nâng cao mức sống của nhân dân từng nước.

**C.** sự hợp tác tích cực giữa các quốc gia với nhau.

**D.** tăng cường và siết chặt an ninh nội địa từng nước.

**Câu 49.** Vai trò của tổ chức lãnh thổ công nghiệp về mặt xã hội là

**A.** thu hút đầu tư, tăng cường hợp tác giữa các xí nghiệp.

**B.** giải quyết việc làm, nâng cao thu nhập cho lao động.

**C.** tăng cường bảo vệ môi trường theo hướng bền vững.

**D.** sử dụng hợp lí, hiệu quả các nguồn lực trên lãnh thổ.

**Câu 50.** Cho bảng số liệu:

GIÁ TRỊ XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU CỦA MI-AN-MA, GIAI ĐOẠN 2015 - 2020

*(Đơn vị: triệu USD)*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm**  **Giá trị** | **2015** | **2018** | **2019** | **2020** |
| Xuất khẩu | 11432,0 | 16704,0 | 18110,0 | 16806,0 |
| Nhập khẩu | 16844,0 | 19355,0 | 18607,0 | 17947,0 |

*(Nguồn: Niên giám thống kê ASEAN 2021, https://www.aseanstats.org)*

Theo bảng số liệu, cho biết Mi-an-ma nhập siêu lớn nhất vào năm nào sau đây?

**A.** Năm 20018. **B.** Năm 2020. **C.** Năm 2019. **D.** Năm 2015.

**Câu 51.** Nguyên nhân nào sau đây có tính quyết định đến phân bố dân cư?

**A.** Các điều kiện của tự nhiện. **B.** Lịch sử khai thác lãnh thổ.

**C.** Trình độ phát triển sản xuất. **D.** Tính chất của ngành sản xuất.

**Câu 52.** Phát biểu nào sau đây đúng với tỉ suất gia tăng dân số tự nhiên?

**A.** Trên toàn thế giới tỉ suất gia tăng dân số tự nhiên bằng không.

**B.** Ảnh hưởng mạnh đến sự phân bố dân cư của quốc gia.

**C.** Cao ở các nước phát triển và thấp ở các nước đang phát triển.

**D.** Tác động lớn đến cơ cấu dân số theo tuổi của quốc gia.

**Câu 53.** Biểu hiện nào dưới là biểu hiện của quy luật địa đới?

**A.** lượng CO2­­ trong khí quyển tăng làm nhiệt độ Trái Đất tăng.

**B.** Sự thay đổi của nhiều thành phần tự nhiên theo kinh độ.

**C.** Sự thay đổi của nhiều thành phần tự nhiên theo vĩ độ.

**D.** mùa lũ của các con sông thường trùng với mùa mưa.

**Câu 54.** Các nhân tố chủ yếu có ảnh hưởng chủ yếu đến ngành viễn thông là

**A.** phát triển sản xuất, chất lượng sống, quy mô dân số, vốn đầu tư.

**B.** phát triển kinh tế, nguồn đầu tư, liên kết và hợp tác trên thế giới.

**C.** phát triển sản xuất, quy mô và cơ cấu dân số, quá trình đô thi hoá.

**D.** phát triển kinh tế, chất lượng sống, khoa học công nghệ, đầu tư.

**Câu 55.** Nguyên nhân chủ yếu dẫn đến những khó khăn, biến động về kinh tế của Liên bang Nga đầu thập niên 90 của thế kỉ XX là

**A.** tình hình chính trị bất ổn định. **B.** tình trạng dân Nga ra nước ngoài.

**C.** bị các nước phương Tây cô lập. **D.** sự khó khăn về mặt khoa học.

**Câu 56.** Động lựcchính để phát triển nền kinh tế của Hoa Kì là

**A.** chính sách phát triển tốt. **B.** bán sản phẩm công nghiệp.

**C.** sức mua của dân cư lớn. **D.** chuyên môn hoá sản xuất.

**Câu 57.** Khu vực châu Á gió mùa có mật độ dân số cao nhất thế giới là do

**A.** trình độ phát triển kinh tế cao, mức sinh cao, lịch sử khai thác lãnh thổ muộn.

**B.** điều kiện tự nhiên thuận lợi,có lịch sử khai thác lãnh thổ lâu đời, mức sinh cao.

**C.** có lịch sử khai thác lãnh thổ lâu đời, trình độ phát triển kinh tế cao, nhập cư cao.

**D.** kinh tế nông nghiệp cần nhiều lao động, mức sinh thấp, tuổi thọ trung bình cao.

**Câu 58.** Vai trò của giao thông vận tải đối với đời sống nhân dân là

**A.** phục vụ nhu cầu đi lại của nhân dân trong và ngoài nước.

**B.** tạo nên mối giao lưu kinh tế giữa các nước trên thế giới.

**C.** góp phần thúc đẩy các hoạt động kinh tế, văn hóa ở vùng xa.

**D.** tạo các mối liên hệ kinh tế - xã hội giữa các địa phương.

**Câu 59.** Hoa Kì trở thành nước siêu cường kinh tế số 1 trên thế giới **không** phải là nhờ

**A.** áp dụng hiệu quả thành tựu cách mạng công nghiệp ở châu Âu.

**B.** tránh được hai cuộc đại chiến, thu lợi nhuận trong chiến tranh.

**C.** duy trì cơ cấu kinh tế hai tầng, quốc hữu hoá các ngành kinh tế.

**D.** khai thác tốt lợi thế tự nhiên, nguồn lao động nhập cư chất lượng cao.

**Câu 60.** Nguyên nhân kinh tế Mĩ la tinh phát triển thiếu ổn định do

**A.** xung đột thường diễn ra, đô thị hoá tự phát, thiên tai diễn ra nhiều, nợ nước ngoài.

**B.** chính trị bất ổn định, nợ nước ngoài nhiều, dịch bệnh, cải cách kinh tế gặp khó khăn.

**C.** đô thị hoá tự phát, tỉ lệ nghèo đói cao, nghèo khoáng sản, khủng hoảng kinh tế toàn cầu.

**D.** sự can thiệp vụ lợi của các thế lực bên ngoài, đô thị hoá tự phát, chạy đua vũ trang.

**Câu 61.** Nguyên nhân nào sau đây là cơ bản nhất khiến miền Tây Bắc của Trung Quốc hình thành nhiều hoang mạc và bán hoang mạc?

**A.** Nằm sâu trong lục địa, khí hậu khắc nghiệt. **B.** Chịu tác động của dòng biển lạnh.

**C.** Nằm gần xích đạo, khí hậu khô khan.  **D.** Nằm trong vùng cận cực, khí hậu khắc nghiệt.

**Câu 62.** Công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng của Trung Quốc phát triển mạnh dựa trên lợi thế chủ yếu nào sau đây?

**A.** Có nhiều làng nghề với truyền thống sản xuất lâu đời.

**B.** Nguồn tài nguyên khoáng sản phong phú và đa dạng.

**C.** Nguồn lao động đông đảo, thị trường tiêu thụ rộng lớn.

**D.** Thu hút được rất nhiều vốn, công nghệ từ nước ngoài.

**Câu 63.** Ở khu vực Tây Nam Á, tốc độ tăng trưởng kinh tế có sự biến động theo từng giai đoạn do nguyên nhân chủ yếu nào sau đây?

**A.** Thiên tai tự nhiên, động đất và cháy rừng nhiều nơi.

**B.** Xung đột sắc tộc, lạm phát kinh tế và thiên tai.

**C.** Giá dầu biến động, xung đột vũ trang và dịch bệnh.

**D.** Đại dịch Covid-19, động đất nhiều nơi, chiến tranh.

**Câu 64.** Đặc điểm công nghiệp thực phẩm là

**A.** đòi hỏi lực lượng lao động trẻ, có trình độ.

**B.** không tiêu thụ nhiều kim loại, điện và nước.

**C.** vốn đầu tư ít, quy trình sản xuất không phức tạp.

**D.** chi phí vận tải và vốn đầu tư không nhiều.

**Câu 65.** Hoa Kì là nước xuất khẩu nông sản đứng đầu thế giới chủ yếu do

**A.** đường lối chính sách thuận lợi, trình độ cơ giới hóa cao.

**B.** điều kiện tự nhiên đa dạng, sản xuất gắn liền với công nghiệp chế biến.

**C.** điều kiện tự nhiên thuận lợi, sản xuất gắn liền với thị trường tiêu thụ.

**D.** điều kiện dân cư lao động thuận lợi, công nghiệp chế biến phát triển.

**Câu 66.** Cơ sở vững chắc cho sự phát triển kinh tế - xã hội ở mỗi quốc gia và toàn khu vực Đông Nam Á là

**A.** thu hút các nguồn vốn đầu tư lớn từ các nước châu Âu.

**B.** tăng cường các dự án và đầu tư trong nội bộ khu vực.

**C.** khai thác hợp lí nguồn tài nguyên (khoáng sản, đất đai).

**D.** tạo dựng môi trường hòa bình, ổn định trong khu vực.

**Câu 67.** Điểm khác biệt cơ bản về xã hội của các nước Châu Phi so với các nước Mĩ La tinh là

**A.** xung đột sắc tộc thường xuyên.  **B.** nợ nước ngoài lớn.

**C.** HDI thấp.  **D.** dân số tăng nhanh, đô thị hóa gay gắt.

**Câu 68.** Dân số Việt Nam vào thời điểm 31/12/2022 là 99,3 triệu người. Trong đó, dân số nam là 49,6 triệu người; dân số nữ là 49,7 triệu người. Tỉ số giới tính của dân số Việt Nam vào thời điểm 31/12/2022 là

**A.** 99.8%. **B.** 9,98%. **C.** 50.1%. **D.** 49,9%.

**Câu 69.** Kinh tế nhiều quốc gia Mỹ Latinh đang từng bước được cải thiện chủ yếu là do

**A.** thực hiện Cải cách ruộng đất triệt để.  **B.** các công ty tư bản nộp thuế nhiều.

**C.** tập trung củng cố bộ máy nhà nước.  **D.** không phụ thuộc vào nước ngoài.

**Câu 70.** Khủng hoảng an ninh lương thực trên thế giới do nguyên nhân chủ yếu nào sau đây?

**A.** Bùng nổ dân số, xung đột sắc tộc và cháy rừng.

**B.** Dịch bệnh diện rộng, bùng nổ dân số và hạn hán.

**C.** Xung đột vũ trang, thiên tai và biến đổi khí hậu.

**D.** Ô nhiễm môi trường, các loại dịch bệnh và lũ lụt.

**Câu 71.** Tự do lưu thông tiền vốn trong EU **không** phải là việc

**A.** bãi bỏ các rào cản đối với giao dịch thanh toán.

**B.** các nhà đầu tư có thể chọn nơi đầu tư có lợi nhất.

**C.** nhà đầu tư mở tài khoản tại các nước EU khác.

**D.** bỏ thuế giá trị gia tăng hàng hóa của mỗi nước.

**Câu 72.** Nhận xét đúng nhất về kinh tế - xã hội khu vực Mỹ la tinh là

**A.** dân số tăng nhanh, chênh lệch giàu nghèo lớn, kinh tế nông nghiệp là chủ yếu .

**B.** nền kinh tế của hầu hết các nước phụ thuộc vào nước ngoài, chênh lệch giàu nghèo ít.

**C.** chính trị không ổn định, nợ nước ngoài nhiều, đô thị hoá gắn với công nghiệp hoá.

**D.** phát triển chậm, nợ nước ngoài nhiều, chênh lệch giàu nghèo lớn, đô thị hoá quá cao.

**Câu 73.** Các nước đang phát triển cần làm gì để giải quyết vấn đề môi trường?

**A.** Tham gia Hội nghị Thượng đỉnh Trái Đất để cắt giảm lượng khí thải.

**B.** Bảo vệ tài nguyên rừng, khai thác tài nguyên khoáng sản hợp lí.

**C.** Xóa nghèo, thực hiện luật bảo vệ môi trường quốc tế, sử dụng hợp lí tài nguyên.

**D.** Chấm dứt chạy đua vũ trang, thực hiện công ước quốc tế về bảo vệ môi trường.

**Câu 74.** Nếu Trái Đất không tự quay quanh trục mà chỉ chuyển động quanh Mặt Trời thì phát biểu nào sau đây đúng?

**A.** Góc nhập xạ trên Trái Đất đều bằng nhau.

**B.** Vẫn có sự luân phiên ngày đêm.

**C.** Mọi nơitrên Trái Đất luôn là đêm.

**D.** Mọi nơitrên Trái Đất luôn là ngày.

**Câu 75.** Vùng phía Tây Hoa Kì có đặc điểm nào dưới đây?

**A.** Đồng bằng rộng, phù sa màu mỡ và vùng đồi thấp, cao nguyên.

**B.** Khu vực gò đồi thấp, các đồng cỏ rộng thích hợp chăn nuôi.

**C.** Các đồng bằng phù sa ven Đại Tây Dương, dãy núi A-pa-lat.

**D.** Các dãy núi trẻ cao, xen giữa là các bồn địa và cao nguyên.

**Câu 76.** Điểm giống nhau giữa xu hướng phát triển công nghiệp Hoa Kì và LB Nga là

**A.** tăng tỉ trọng các ngành công nghiệp năng lượng, chế tạo máy, sản xuất ô tô, luyện kim.

**B.** tăng đầu tư phát triển công nghiệp quốc phòng, khai thác dầu khí, than đá.

**C.** tập trung phát triển các ngành: chế tạo máy, sản xuất ô tô, xây dựng, hoá dầu, điện tử.

**D.** tăng tỉ trọng các ngành công nghiệp hiện đại, giảm tỉ trọng các ngành truyền thống.

**Câu 77.** Các nước đang phát triển phát triển mạnh mẽ các ngành công nghiệp dệt may, công nghiệp thực phẩm vì

**A.** thời gian xây dựng lâu và chi phí xây dựng cao nhưng lợi nhuận lớn.

**B.** có nguồn vốn đầu tư lớn, quay vòng vốn nhanh, phục vụ nhu cầu trong nước.

**C.** quá trình công nghiệp hoá có vốn đầu tư lớn và công nghệ phát triển.

**D.** có nguồn lao động dồi dào, nguyên liệu phong phú và thị trường tiêu thụ lớn.

**Câu 78.** Cho bảng số liệu:

CƠ CẤU TỈ TRỌNG GIÁ TRỊ SẢN XUẤT NGÀNH NGOẠI THƯƠNG HOA KÌ

GIAI ĐOẠN 2015-2021

*(Đơn vị: %)*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **2015** | **2017** | **2019** | **2021** |
| Xuất khẩu | 45 | 46 | 47 | 43 |
| Nhập khẩu | 55 | 54 | 53 | 57 |

*(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2021, Nhà xuất bản Thống kê, 2022)*

Theo bảng số liệu, để thể hiện sự chuyển dịch cơ cấu giá trị sản xuất ngành ngoại thương Hoa Kì giai đoạn 2015-2021 biểu đồ nào sau đây là thích hợp nhất?

**A.** Miền. **B.** Đường. **C.** Kết hợp. **D.** Cột.

**Câu 79.** Nguyên nhân chủ yếu nào làm cho nền kinh tế Nhật Bản có tốc độ tăng trưởng cao từ năm 1950 đến năm 1973?

**A.** Tập trung phát triển các xí nghiệp lớn, giảm và bỏ hẳn những tổ chức sản xuất nhỏ, thủ công.

**B.** Ưu tiên phát triển các ngành công nghiệp nặng, phát triển nhanh các ngành cần đến khoáng sản.

**C.** Chú trọng đầu tư hiện đại hóa nông nghiệp, hạn chế vốn đầu tư nước ngoài, tận dụng vốn trong nước.

**D.** Phát triển các ngành then chốt, có trọng điểm theo từng giai đoạn và duy trì cơ cấu kinh tế hai tầng.

**Câu 80.** Nguyên nhân chính khiến Nhật Bản có đội tàu buôn lớn nhất thế giới là

**A.** Vị trí giáp biển và đại dương lớn, bờ biển thuận lợi xây hải cảng.

**B.** Nhật Bản đang dẫn đầu thế giới về ngành công nghiệp đóng tàu.

**C.** có nhiều ngư trường,nhiều hải cảng lớn, vùng biển rộng.

**D.** Nhật Bản là một quần đảo, bờ biển khúc khuỷu có nhiều vũng vịnh.

***----------- HẾT -----------***

*Thí sinh không được phép sử dụng tài liệu, Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.*